

**QUY CHẾ**

**Quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ trong các cơ quan, tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và sản phẩm mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước, bảo mật, xác thực trong các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị tỉnh Thái Nguyên**

-----

- Căn cứ Luật Cơ yếu năm 2011;
- Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2023;
- Căn cứ Luật Giao dịch điện tử năm 2023;
- Căn cứ Luật An ninh mạng năm 2025;
- Căn cứ Quy định số 379-QĐ/TW, ngày 22/10/2025 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng;
- Căn cứ Quy định số 337-QĐ/TW, ngày 27/06/2025 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về quy định gửi, nhận văn bản điện tử trên mạng thông tin điện rộng của Đảng và trên mạng Internet;
- Căn cứ Nghị định số 01/2024/NĐ-CP, ngày 01/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cơ yếu về hoạt động mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước;
- Căn cứ Nghị định 48/2024/NĐ-CP, ngày 09/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;
- Căn cứ Nghị định số 68/2024/NĐ-CP, ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ;
- Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-BCY, ngày 19/01/2026 của Ban Cơ yếu Chính phủ ban hành Quy định quản lý, sử dụng sản phẩm mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước, bảo mật, xác thực trong hệ thống các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

- Căn cứ Hướng dẫn số 03-HD/VPTW, ngày 04/6/2021 của Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn quản lý và sử dụng chữ ký số trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc số 16-QC/TU, ngày 24/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030;

- Xét đề nghị của Văn phòng Tỉnh ủy;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ trong các cơ quan, tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và sản phẩm mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước, bảo mật, xác thực trong các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị tỉnh Thái Nguyên như sau:

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Mục đích: Thống nhất quy trình quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ trong các cơ quan, tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; quy trình quản lý, sử dụng sản phẩm mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước, bảo mật, xác thực trong các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị tỉnh Thái Nguyên góp phần bảo đảm tính pháp lý, thúc đẩy việc sử dụng, trao đổi văn bản điện tử, thực hiện cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số.

#### **2. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng:

a) Chữ ký số chuyên dùng công vụ trong các cơ quan, tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

b) Sản phẩm mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước, bảo mật, xác thực trong các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

#### **3. Đối tượng áp dụng**

a) Đối với chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ được áp dụng cho các tổ chức, cá nhân thuộc các cơ quan, tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Thái Nguyên.

b) Đối với sản phẩm mật mã được áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý, sử dụng sản phẩm mật mã phục vụ chuyển đổi số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị tỉnh Thái Nguyên.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

**1. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp:** Là cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng trực tiếp quản lý chữ ký số chuyên dùng công vụ và sản phẩm mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước, bảo mật, xác thực trong hệ thống các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số.

**2. Chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ:** Là việc kiểm tra, đối chiếu, bảo đảm tính chính xác của chứng thư số liên quan đến chữ ký số chuyên dùng công vụ (thông tin về người ký, chức vụ, cơ quan, hiệu lực của chữ ký số chuyên dùng công vụ).

**3. Thiết bị lưu khóa bí mật:** Là thiết bị vật lý chứa chứng thư số và khóa bí mật của thuê bao do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ của Ban Cơ yếu Chính phủ cấp.

**4. Yêu cầu chứng thực:** Là các yêu cầu cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư số chuyên dùng công vụ và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật.

**5. Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực:** Là hệ thống điện tử hỗ trợ đăng ký, quản lý dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trên môi trường mạng.

**6. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ** là Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, địa chỉ: Lô CN27A, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội, điện thoại: (024) 3773 8668, website: <https://dichvucong.ca.gov.vn>, Email: [ca@bcy.gov.vn](mailto:ca@bcy.gov.vn).

**7. Sản phẩm mật mã** là sản phẩm do Ban Cơ yếu Chính phủ sản xuất, cung cấp phục vụ chuyển đổi số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

**8. Thiết bị, phần mềm chuyên ngành** là phần cứng hoặc chương trình phần mềm để triển khai cài đặt sản phẩm mật mã phục vụ chuyển đổi số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

**Chương II**  
**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG CÔNG VỤ,**  
**CHỨNG THƯ CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG CÔNG VỤ VÀ DỊCH VỤ**  
**CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG CÔNG VỤ CỦA CÁC**  
**CƠ QUAN ĐẢNG, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC**  
**CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Điều 3. Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ**

Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ quy định tại Điều 9 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP.

**Điều 4. Phân loại chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ**

1. Chứng thư số cho cá nhân.
2. Chứng thư số cho cơ quan, tổ chức.
3. Chứng thư số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm.

**Điều 5. Giá trị pháp lý của chữ ký số chuyên dùng công vụ**

1. Chữ ký số chuyên dùng công vụ có giá trị pháp lý khi được sử dụng trên văn bản điện tử và bảo đảm tính xác thực, tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Văn bản điện tử được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức ban hành có giá trị pháp lý như bản gốc văn bản giấy có ký tay và đóng dấu theo quy định của pháp luật.
3. Văn bản giấy được số hóa và ký số bởi cơ quan, tổ chức thực hiện số hóa có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật về công tác văn thư và giao dịch điện tử.
4. Trường hợp văn bản điện tử được xử lý, gửi nhận thông qua hệ thống thông tin, các thông tin xác thực điện tử, xác thực đa yếu tố, nhật ký hệ thống hoặc dấu thời gian được ghi nhận trên hệ thống là căn cứ để xác định tính xác thực, tính chống chối bỏ và trách nhiệm của chủ thể tham gia giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Điều kiện bảo đảm an toàn giá trị pháp lý của chữ ký số chuyên dùng công vụ**

Để bảo đảm chữ ký số chuyên dùng công vụ có giá trị pháp lý, phải đáp ứng các điều kiện an toàn sau đây:

1. Chữ ký số chuyên dùng công vụ được tạo ra trong thời gian chứng thư số chuyên dùng công vụ còn hiệu lực và kiểm tra được bằng khóa công khai ghi trên chứng thư số có hiệu lực đó.

2. Chữ ký số chuyên dùng công vụ được tạo ra bằng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số chuyên dùng công vụ do tổ chức cung cấp dịch vụ và chứng thực chữ ký số cấp.

3. Khóa bí mật thuộc sự kiểm soát của người ký tại thời điểm ký.

4. Khóa bí mật và nội dung thông điệp dữ liệu chỉ gắn duy nhất với người ký khi người đó ký số thông điệp dữ liệu.

### **Điều 7. Thẩm quyền Người quản lý thuê bao**

Người đứng đầu các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội có tư cách pháp nhân thực hiện trách nhiệm của người quản lý thuê bao cho các tổ chức, cá nhân được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 1 Quy chế này.

### **Điều 8. Đăng ký cấp mới, gia hạn, thay đổi thông tin và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật**

1. Hồ sơ, trình tự và thẩm quyền thực hiện cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư số chuyên dùng công vụ và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật được thực hiện thống nhất theo quy định tại Chương II Nghị định số 68/2024/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực và các mẫu văn bản quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 68/2024/NĐ-CP để thực hiện các yêu cầu chứng thực.

### **Điều 9. Thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ và thiết bị lưu khóa bí mật**

Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ bị thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 20 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP. Cơ quan quản lý trực tiếp có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thu hồi và bàn giao thiết bị lưu khóa bí mật về Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ theo đúng quy định.

### **Điều 10. Cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ sau khi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cũ hết hạn hoặc chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ bị thu hồi**

1. Thuê bao có nhu cầu cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ sau khi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cũ hết hạn hoặc chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ bị thu hồi nếu đủ điều kiện tại Điều 10 Nghị định 68/2024/NĐ-CP được xem xét cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ mới.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục như cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ lần đầu.

**Điều 11. Nguyên tắc quản lý, sử dụng chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ**

1. Việc quản lý, sử dụng chứng thư số chuyên dùng công vụ, chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật phải tuân thủ các quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước và hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan, tổ chức đảng được quản lý, sử dụng thực hiện như đối với con dấu của cơ quan, tổ chức đảng; cá nhân được cấp chữ ký số có trách nhiệm tự bảo quản an toàn thiết bị và bảo mật khóa bí mật của mình.

3. Chữ ký số chuyên dùng công vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ được sử dụng để thực hiện các giao dịch theo đúng thẩm quyền của cơ quan, tổ chức và chức danh được cấp chứng thư số chuyên dùng công vụ.

4. Việc quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ phải đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

**Điều 12. Thẩm quyền ký số**

1. Thẩm quyền ký số văn bản điện tử thực hiện theo thẩm quyền ký văn bản giấy của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

2. Cá nhân sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật của mình để ký số theo thẩm quyền; cơ quan tổ chức sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan, tổ chức để ký số các văn bản điện tử.

3. Bộ phận lưu trữ sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật của lưu trữ để ký số chứng thực tài liệu lưu trữ.

**Chương III**

**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG SẢN PHẨM MẬT MÃ ĐỂ BẢO VỆ THÔNG TIN BÍ MẬT NHÀ NƯỚC, BẢO MẬT, XÁC THỰC TRONG CÁC NỀN TẢNG SỐ, ỨNG DỤNG SỐ, DỮ LIỆU SỐ CỦA CÁC CƠ QUAN THUỘC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Điều 13. Nguyên tắc quản lý, sử dụng sản phẩm mật mã**

Việc quản lý, sử dụng sản phẩm mật mã phải tuân thủ theo quy định của Luật Cơ yếu; Nghị định số 01/2024/NĐ-CP, ngày 01/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cơ yếu về hoạt động mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 01); Quyết định số 87/QĐ-TTg, ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực cơ yếu; Quyết định của

Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ ban hành Danh mục chương trình phân Nghị định số 01/2024/NĐ-CP; Quyết định số 663/QĐ-BCY, ngày 05/11/2025 của Trưởng Ban Cơ yếu Chính phủ ban hành Quy định triển khai sản phẩm mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước và các quy định tại Quyết định số 18/QĐ-BCY, ngày 19/01/2026 của Ban Cơ yếu Chính phủ ban hành Quy định quản lý, sử dụng sản phẩm mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước, bảo mật, xác thực trong hệ thống các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

#### **Điều 14. Phân loại bí mật nhà nước và phạm vi áp dụng đối với sản phẩm mật mã**

Thực hiện theo Quyết định số 18/QĐ-BCY, ngày 19/01/2026 của Ban Cơ yếu Chính phủ ban hành Quy định quản lý, sử dụng sản phẩm mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước, bảo mật, xác thực trong hệ thống các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

#### **Điều 15. Điều kiện, trình tự triển khai sản phẩm mật mã**

##### **1. Điều kiện triển khai sản phẩm mật mã**

- a) Cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng sản phẩm mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước.
- b) Sản phẩm mật mã triển khai phù hợp với yêu cầu, tính chất và độ mật của thông tin bí mật nhà nước.
- c) Nơi triển khai sản phẩm mật mã có người được huấn luyện, hướng dẫn để quản lý, sử dụng sản phẩm mật mã; bảo đảm các điều kiện về an ninh, an toàn.

##### **2. Trình tự triển khai sản phẩm mật mã**

- a) Cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng sản phẩm mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước gửi văn bản đề nghị về Văn phòng Tỉnh ủy để tổng hợp.
- b) Văn phòng Tỉnh ủy tổng hợp, gửi văn bản đề nghị về Cục Cơ yếu Đảng - Chính quyền.
- c) Văn phòng Tỉnh ủy tiếp nhận, triển khai, hướng dẫn sử dụng, bàn giao sản phẩm mật mã cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm mật mã.

#### **Điều 16. Giao nhận, vận chuyển sản phẩm mật mã**

1. Giao nhận, vận chuyển sản phẩm mật mã (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) do người làm công tác cơ yếu tổ chức thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Tổ chức cơ yếu trực tiếp quản lý sản phẩm mật mã, giao trực tiếp cho cơ quan, tổ chức sử dụng sản phẩm mật mã thuộc phạm vi quản lý; có phiếu xuất kho, hoặc biên bản giao nhận. Khi giao nhận sản phẩm mật mã, người giao và người nhận phải kiểm tra, đối chiếu để bảo đảm đúng, đủ về số lượng, chủng loại và số hiệu.

b) Sản phẩm mật mã phải được vận chuyển bằng xe chuyên dùng của cơ yếu, hoặc phương tiện do cơ quan, tổ chức sử dụng cơ yếu, cơ quan sử dụng sản phẩm mật mã bố trí, nhưng phải bảo đảm an ninh, an toàn, phải đóng thùng, bao bì chắc chắn và được niêm phong.

2. Giao nhận, vận chuyển thiết bị lưu khóa bí mật chuyên dụng USB-Token được thực hiện bằng hình thức trực tiếp hoặc thông qua tổ chức cơ yếu hoặc qua dịch vụ bưu chính KT1.

### **Điều 17. Quản lý, sử dụng sản phẩm mật mã**

1. Sản phẩm mật mã sử dụng vào mục đích phục vụ hoạt động công vụ, không sử dụng vào việc riêng.

2. Không được tự ý: Sửa đổi quy định về nghiệp vụ, quy tắc, quy trình khai thác sử dụng các loại sản phẩm mật mã; chuyển đổi việc bố trí sản phẩm mật mã; sao chép sản phẩm mật mã.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm mật mã có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và tuân thủ quy tắc, quy trình khai thác, sử dụng; áp dụng các biện pháp có hiệu quả để bảo đảm an ninh, an toàn; báo cáo kịp thời bằng văn bản khi sản phẩm mật mã bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng.

### **Điều 18. Thu hồi sản phẩm mật mã**

1. Sản phẩm mật mã phải thu hồi trong các trường hợp: Không còn nhu cầu sử dụng, hết thời hạn sử dụng, bị hỏng không thể khắc phục, không còn đáp ứng yêu cầu cấp độ mật, bị lộ hoặc nghi bị lộ, do yêu cầu đổi mới công nghệ, kỹ thuật cần phải thay thế, không bảo đảm về an ninh an toàn.

2. Chỉ có cơ quan, tổ chức cấp phát sản phẩm mật mã mới có quyền thu hồi và phải được quản lý như sản phẩm mật mã đang sử dụng.

3. Cơ quan, tổ chức sử dụng sản phẩm mật mã có văn bản đề nghị thu hồi gửi đến Văn phòng Tỉnh ủy để xử lý.

### **Điều 19. Xử lý tình huống trong quản lý, sử dụng sản phẩm mật mã**

1. Sản phẩm mật mã bị thất lạc, bị mất thì cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng phải báo cáo ngay với tổ chức cơ yếu trực tiếp quản lý để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ và được hướng dẫn quy trình các bước xử lý tiếp theo.

## 2. Đối với chữ ký số tích hợp mã hóa, giải mã:

a) Người sử dụng luân chuyển, thay đổi vị trí công tác (*trong nội bộ cơ quan, đơn vị*). Trình tự, thủ tục thực hiện thay đổi thông tin theo Điều 8 của Quy chế này.

b) Người sử dụng luân chuyển, thay đổi vị trí công tác (*không trong nội bộ cơ quan, đơn vị*) cán bộ trực tiếp quản lý sản phẩm mật mã thực hiện thu hồi chữ ký số tích hợp mã hóa, giải mã bàn giao về Văn phòng Tỉnh ủy.

## 3. Khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật chữ ký số tích hợp mã hóa, giải mã

Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý sản phẩm mật mã có văn bản đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật gửi về Văn phòng Tỉnh ủy. Cử cán bộ đầu mối (*trực tiếp quản lý sản phẩm mật mã*) phối hợp phòng Chuyên đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Tỉnh ủy để thực hiện khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật qua.

# Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

## Điều 20. Trách nhiệm của Văn phòng Tỉnh ủy

1. Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tạo tài khoản riêng để các cơ quan, đơn vị tự thực hiện việc ***cấp mới, cấp đổi lại, thu hồi*** chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Thực hiện trách nhiệm ủy quyền ***thay đổi thông tin, gia hạn, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật*** cho các tổ chức, cá nhân trong hệ thống quản lý.

3. Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc đào tạo, tập huấn, hướng dẫn quản lý, sử dụng chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ.

4. Quản lý, triển khai sản phẩm mật mã cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống; hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng sản phẩm mật mã.

## Điều 21. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ và các sản phẩm mật mã

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý trực tiếp chữ ký số chuyên dùng công vụ

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và triển khai sử dụng có hiệu quả chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đối với các cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý khi có yêu cầu.

c) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho một cá nhân làm đầu mối tiếp nhận, phối hợp với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thực hiện các công tác về đăng ký, quản lý các yêu cầu chứng thực.

Đăng ký tài khoản dịch vụ công của cơ quan, tổ chức trên Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực theo phân cấp của hệ thống.

Tiếp nhận, bàn giao chứng thư số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật cho các thuê bao.

Phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy để thực hiện thay đổi thông tin, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật.

Thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý, bàn giao cho Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Cập nhật, quản lý, lưu trữ các hồ sơ yêu cầu chứng thực cho các thuê bao thuộc quyền quản lý.

## **2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp các sản phẩm mật mã**

a) Quản lý, triển khai sản phẩm mật mã theo quy định này và các quy định của pháp luật về Cơ yếu.

b) Bố trí người có phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn phù hợp để trực tiếp quản lý, sử dụng sản phẩm mật mã.

c) Quản lý chặt chẽ, bảo đảm an ninh, an toàn cho sản phẩm mật mã đã triển khai.

c) Định kỳ 6 tháng báo cáo tổ chức cơ yếu trực tiếp về quản lý, sử dụng sản phẩm mật mã và chịu sự kiểm tra việc quản lý, sử dụng sản phẩm mật mã của tổ chức cơ yếu trực tiếp và tổ chức cơ yếu cấp trên.

## **Điều 22. Điều khoản thi hành**

1. Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, người đứng đầu cấp ủy theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nêu tại khoản 3 Điều 1 có trách nhiệm tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện việc quản lý, sử dụng chứng thư số chuyên dùng công vụ và các sản phẩm mật mã theo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung các cơ quan, đơn vị báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy) để xem xét, quyết định.

3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế số 31-QC/TU, ngày 30/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số chuyên dùng công vụ, chữ ký số chuyên dùng công vụ trong các cơ quan, tổ chức đảng tỉnh Thái Nguyên”.

**Nơi nhận:**

- Các đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh;
- Các sở ban, ngành cấp tỉnh;
- Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy;
- HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các xã, phường;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

NguyenAnhTuan-434

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**



**Bùi Văn Lương**